| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2- TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 141/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- - TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Ông Ma Văn Sơn.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Ông Đàm Như Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

* Bị đơn: Anh Hứa Quang H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt lần thứ 2).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Hứa Quang H được tự do tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, chị T và anh H chung sống tại thôn Bản Tù, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh H đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Quang H.

Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Hứa Quang H có 02 con chung là cháu Hứa Thùy G, sinh ngày 30/6/2013 và cháu Hứa Quang P, sinh ngày 17/9/2018. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Không yêu cầu anh Hứa Quang H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo, triệu tập anh Hứa Quang H đến để giải quyết việc chị Lý Thị T đề nghị ly hôn nhưng anh H đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H vẫn thường trú tại thôn Bản Tù, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Hứa Văn S (bố đẻ của anh Hứa Quang H) cung cấp như sau: Chị T và anh H được tự do tìm hiểu, đã chung sống như vợ chồng đến khi chị T có thai cháu G được 08 tháng thì hai bên gia đình mới tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến tháng 02/2014 chị T và anh H đăng ký kết hôn tại xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống cùng gia đình ông S tại thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì ông cho rằng do chị T thay đổi về tính cách, không quan tâm đến chồng con.

Ông S xác định, việc chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh H có được biết, tuy nhiên do anh H đang đi làm ăn xa nên không thể về theo Giấy triệu tập của Tòa án. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh H ở đâu thì ông S cũng không được biết, nên ông S không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của anh H cho Tòa án, ông S xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông S đã thông báo cho anh H biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh H không về. Chị Lý Thị T và anh Hứa Quang H có 02 con chung là cháu Hứa Thùy G và Hứa Quang P, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng ông S, khi biết chị T có yêu cầu xin ly hôn anh H có nói với ông S nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Lý Thị T; cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Hứa Quang H

- Về con chung: Giao cháu Hứa Thùy G, sinh ngày 30/6/2013 và cháu Hứa Quang P, sinh ngày 17/9/2018 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hứa Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Lý Thị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, do chị T là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Anh Hứa Quang H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2-Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hứa Quang H; anh Hứa Quang H thường trú tại Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hứa Quang H thường trú tại Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh H đã thông báo cho anh H nhưng anh H vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Hứa Quang H vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Lý Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2014 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của ông Hứa Văn S và kết quả xác minh tại thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị T, anh H thực tế đã không tồn tại từ năm 2020 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;

không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của Chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Hứa Quang H.

*[2.2] Về con chung:* Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Hứa Thùy G, sinh ngày 30/6/2013 và cháu Hứa Quang P, sinh ngày 17/9/2018. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Cháu G và cháu P có nguyện vọng ở cùng chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh H, nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình về con chung khi ly hôn, hiện nay anh H đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hứa Thùy G, sinh ngày 30/6/2013 và cháu Hứa Quang P, sinh ngày 17/9/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn do chị T không yêu cầu, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Lý Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lý Thị T Chị được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, do chị T là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Anh Hứa Quang H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Lý Thị T.

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Hứa Quang H (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/2014 của UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang- nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang).

**2**. Về con chung: Giao cháu Hứa Thùy G, sinh ngày 30/6/2013 và cháu Hứa Quang P, sinh ngày 17/9/2018 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hứa Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3**. Về án phí: Chị Lý Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, do chị T là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Anh Hứa Quang H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T và anh Hứa Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2-Tuyên Quang;
- UBND xã Minh Quang (nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Bích Ngọc**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ma Văn Sơn** **Nguyễn Thị Bích Hằng** **Đào Thị Bích Ngọc**